

BÀI GIẢNG CHUYÊN SÂU: CÂU ĐIỀU KIỆN LOẠI 2 (TYPE II)

1. Bản Chất và Khái Niệm Cơ Bản

Câu điều kiện loại 2 (Conditional Sentences Type 2) là dạng câu được sử dụng để giả định một tình huống không có thật, trái ngược với thực tế ở hiện tại hoặc không thể xảy ra trong tương lai. Chúng ta cũng dùng cấu trúc này để tưởng tượng, mơ ước về một kịch bản giả tưởng hiện tại.

2. Cấu Trúc Toàn Diện (Form & Formula)

CẤU TRÚC CHÍNH:

If + S + V-ed/V2 (Quá khứ đơn) , S + would / could / should / might + V-inf

Chi tiết cấu trúc thành phần:

- Mệnh đề If (If-clause): Chia ở thì Quá khứ đơn (Simple Past).
- Mệnh đề chính (Main clause): Sử dụng trợ động từ quá khứ (would/could/should/might) + động từ nguyên mẫu không 'to' (V-inf).

3. Các Mẫu Câu và Ví Dụ Minh Họa Chi Tiết

Mẫu Câu 1: Diễn tả sự việc không có thật ở hiện tại

- **If I had the time, I would go to the beach with you this weekend.**

Giải thích: Thực tế hiện tại tôi không có thời gian trống (but I don't have the time).

- **He would tell you about it if he were here.**

Giải thích: Thực tế là anh ấy đang không có mặt ở đây (but he is not here).

- **If he didn't speak so quickly, you could understand him.**

Giải thích: Thực tế anh ấy nói quá nhanh nên bạn không hiểu được.

Mẫu Câu 2: Tưởng tượng tình huống tương lai và Lời khuyên

- **If we didn't go to their party next week, they would be angry.**

Giải thích: Tưởng tượng tình huống không mong muốn trong tương lai.

- **If I were you, I'd speak to the manager.**

Giải thích: Dùng đưa ra lời khuyên nhẹ nhàng, tương đương 'You should speak to the manager.'

Mẫu Câu 3: Cấu trúc If it were not for + Noun

- **If it were not for Jim, this company would be in a mess.**

Giải thích: Nếu không nhờ có Jim thì công ty này đã ở trong tình trạng hỗn loạn.

4. Cấu Trúc Đảo Ngữ Của Câu Điều Kiện Loại 2 (Inversion)

Trong văn phong trang trọng, người ta lược bỏ If và đảo động từ 'Were' lên đầu câu đứng trước chủ ngữ.

Ví dụ đảo ngữ với To be:

- Câu gốc: If she were here, she would help us.
- Viết lại là: Were she here, she would help us.

LƯU Ý QUAN TRỌNG VỀ THỂ PHỦ ĐỊNH:

Chúng ta không được rút gọn hình thức phủ định (không dùng weren't hay hadn't đầu câu).

- Đúng: Were there not gravity... (Không viết: Weren't there gravity)
- Đúng: Had she not been here last night... (Không viết: Hadn't she been here...)

BÀI TẬP THỰC HÀNH NGAY (10 CÂU)

1. If I (have) _____ a lot of money, I would buy a sports car.
2. If she (be) _____ free today, she would go shopping with us.
3. He (travel) _____ around the world if he won the lottery.
4. If I were you, I (not / accept) _____ that low salary offer.
5. If it (not / rain) _____ now, the children could play in the garden.
6. If we (live) _____ in Paris, we would visit the Eiffel Tower every week.
7. Viết lại câu sử dụng đảo ngữ: If I were rich, I would donate half of my wealth.
→ _____

8. Viết lại câu sử dụng đảo ngữ: If he were here right now, he would solve this problem.

→ _____

9. Viết lại câu đảo ngữ ở thể phủ định: If it were not for his advice, I would fail.

→ _____

10. If you (study) _____ harder, you might pass the upcoming exam easily.

ĐÁP ÁN VÀ GIẢI THÍCH CHI TIẾT

1. had (Mệnh đề If chia Quá khứ đơn của 'have')
2. were (Động từ to be chia 'were' cho tất cả các ngôi)
3. would travel (Mệnh đề chính dùng would + V-inf)
4. would not accept / wouldn't accept (Thể phủ định trong mệnh đề chính)
5. didn't rain / did not rain (Phủ định quá khứ đơn trong mệnh đề If)
6. lived (Quá khứ đơn của động từ thường live)
7. Were I rich, I would donate half of my wealth. (Đảo ngữ với Were)

8. Were he here right now, he would solve this problem. (Đảo ngữ với Were)
9. Were it not for his advice, I would fail. (Đảo ngữ phủ định không viết tắt)
10. studied (Quá khứ đơn của động từ study, đổi y thành i thêm ed)